

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bán Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (PTF)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-TTg ngày 24/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định 25/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT);

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp Nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về việc bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 04/2010/TT-NHNN ngày 11/02/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc “Quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng”;

Căn cứ Thông tư 15/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng”;

Căn cứ Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 142A/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 08/6/2017 về việc bán Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bưu điện (PTF).

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 08/9/2017 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bưu điện (PTF) cho mục đích bán doanh nghiệp.

Căn cứ Quyết định số 325/VNPT-HĐTV-BĐMVPTDN ngày 07/11/2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về phương án xử lý tài sản, tài chính, công nợ của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (PTF).

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) đối với việc bán Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (PTF);

Căn cứ ý kiến của các Thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bán Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện với những nội dung cơ bản như sau:

1. Tên, địa chỉ Công ty được bán

- Tên Công ty: Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.
- Địa chỉ trụ sở chính: 68 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam.

2. Phương thức bán, giá bán, giá khởi điểm

- Phương thức bán: Bán đấu giá có kế thừa công nợ.
- Giá bán: Không thấp hơn giá khởi điểm.
- Giá khởi điểm: Giá khởi điểm để bán toàn bộ 100% vốn đầu tư của VNPT tại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện là **500.000.000.0000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)** và điều kiện kèm theo đối với nhà đầu tư như sau:

(1) Kế thừa toàn bộ tài sản, công nợ, lao động, các quyền và nghĩa vụ khác của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện đến thời điểm chốt số liệu để bàn giao doanh nghiệp.

(2) Nhà đầu tư phải có bảo lãnh thanh toán hợp lệ của một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cam kết bảo lãnh thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho VNPT số tiền mà Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện phải trả VNPT tại thời điểm 30/6/2017.

Nhà đầu tư phải nộp bảo lãnh thanh toán cho VNPT trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhà đầu tư được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc việc mua lại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện. Nhà đầu tư không cung cấp được Thư bảo lãnh tại thời điểm nêu trên sẽ không được nhận lại tiền đặt trước đã nộp.

(Nội dung Thư bảo lãnh được quy định chi tiết tại Quy chế đấu giá Công ty Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện).

(3) Thanh toán tiền mua doanh nghiệp và Khoản nợ của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện phải trả VNPT:

(3.1) Đối với tiền mua doanh nghiệp:

(3.1.1) Tiến độ thanh toán:

- Lần 1: Thanh toán không dưới 70% Giá mua doanh nghiệp theo kết quả đấu giá trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Hợp đồng mua bán doanh nghiệp có hiệu lực.

- Lần 2: Thanh toán số tiền còn lại (Tối đa 30% x Giá mua doanh nghiệp theo kết quả đấu giá) trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Hợp đồng mua bán doanh nghiệp có hiệu lực.

(3.1.2) Nhà đầu tư phải có bảo lãnh thanh toán hợp lệ của một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cam kết bảo lãnh thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho VNPT số tiền 30% Giá mua doanh nghiệp theo kết quả đấu giá theo nội dung Thư bảo lãnh được quy định chi tiết tại Quy chế đấu giá Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp Thư bảo lãnh cho Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhà đầu tư được Ngân hàng nhà nước chấp thuận nguyên tắc việc mua lại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện. Nhà đầu tư không cung cấp được Thư bảo lãnh tại thời điểm nêu trên sẽ không được nhận lại tiền đặt trước đã nộp.

(3.2) Đối với khoản nợ Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện phải trả VNPT:

(4.2.1) Giá trị khoản nợ phải trả: Được xác định tại thời điểm chốt số liệu bàn giao doanh nghiệp. Jm

(4.2.2) Thời gian thanh toán:

- (i) Lần 1: Thanh toán 30% Giá trị Khoản nợ tại thời điểm 30/6/2017 hoặc tại thời điểm chốt số liệu bàn giao doanh nghiệp trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng mua bán doanh nghiệp có hiệu lực.
- (ii) Lần 2: Thanh toán 30% Giá trị Khoản nợ tại thời điểm 30/6/2017 hoặc tại thời điểm chốt số liệu bàn giao doanh nghiệp trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng mua bán doanh nghiệp có hiệu lực.
- (iii) Lần 3: Thanh toán số tiền còn lại trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Hợp đồng mua bán doanh nghiệp có hiệu lực.

(3.2.3) Giá trị khoản nợ được bảo lãnh: Nhà đầu tư phải có bảo lãnh thanh toán hợp lệ của một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cam kết bảo lãnh thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho VNPT số tiền mà Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện phải trả VNPT tại thời điểm 30/6/2017. Nội dung Thư bảo lãnh được quy định chi tiết tại Quy chế đấu giá Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

Lưu ý:

- Hợp đồng mua bán doanh nghiệp có hiệu lực kể từ ngày nhà đầu tư được Ngân hàng nhà nước Việt Nam chấp thuận nguyên tắc việc mua lại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.
- Trường hợp ngân hàng thương mại Việt Nam là nhà đầu tư trúng đấu giá thì tổ chức này phải xin cấp bảo lãnh từ một ngân hàng khác.
- Thời điểm chốt số liệu bàn giao doanh nghiệp: Là ngày nhà đầu tư được Ngân hàng nhà nước Việt Nam chấp thuận chính thức việc mua lại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

3. Tiêu chí đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá

Căn cứ quy định tại Điều 4 Nghị định 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014, điều 12 Thông tư 30/2015/TT-NHNN và Thông tư 15/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

4. Trình tự bán đấu giá

Thực hiện theo Quy chế đấu giá Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

5. Phương án sử dụng đất sau khi bán

Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện không có đất giao, đất thuê, đất nhận chuyển nhượng từ các tổ chức, cá nhân khác. Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện hiện đang thuê văn phòng làm việc của VNPT.

6. Phương án sắp xếp lao động

Số lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (8/9/2017): 46 lao động.

Số lao động do VNPT bổ nhiệm: 03 người.

Số lao động có nguyện vọng chấm dứt hợp đồng lao động sau khi bán doanh nghiệp để hưởng chế độ dôi dư: 0 lao động.

Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định: 0 lao động.

Số lao động chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới: 43 người

Công ty PTF có trách nhiệm giải quyết chế độ chính sách cho người lao động tính đến thời điểm hoàn tất thủ tục mua doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Trách nhiệm của đơn vị liên quan:

1. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông đối với việc bán Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Mục 1 Điều 37 Nghị định 128/2014/NĐ-CP.

2. Ban Đổi mới tại doanh nghiệp của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 18 Nghị định 128/2014/NĐ-CP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

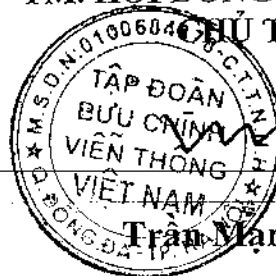
Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông đối với việc bán Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện theo Quyết định số 323/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 05/12/2017 và Quyết định số 141/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 8/6/2017; Ban đổi mới tại doanh nghiệp của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bưu điện theo Quyết định số 142/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 8/6/2017; Trưởng các Ban chức năng Tập đoàn: Kế toán-Tài chính, Kế hoạch-Đầu tư, Nhân lực, Pháp chế-Thanh tra, Tài chính-Chiến lược; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người quản lý tại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 và điều 3;
- Tv HĐTV VNPT;
- TGĐ, PTGD VNPT;
- KSV tại VNPT;
- Ban KSNB, TCCL;
- Lưu VT, BDMVPTDN tại PTF.

Số Ioffice: 97369_VBG

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Trần Mạnh Hùng

PHỤ LỤC

TIÊU CHÍ NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA ĐẦU GIÁ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 327/QĐ-VNPT-HĐTV-BĐMVPTDN ngày
..11/12/2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn BCVTVN)*

Tiêu chí nhà đầu tư tham gia đầu giá (người mua) Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện như sau:

1. Người mua là Ngân hàng thương mại Việt Nam

- a) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;
- b) Cam kết hỗ trợ về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện khó khăn về vốn hoặc khả năng chi trả, thanh khoản;
- c) Có khả năng về tài chính để mua Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện theo giá khởi điểm bán doanh nghiệp; không được dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân khác để mua doanh nghiệp;
- d) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;
- đ) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;
- e) Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;
- f) Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

g) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

h) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.”

2. Người mua là Tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

b) Có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nguyên xứ trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

d) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng từ mức ổn định trở lên, mức có khả năng thực hiện các cam kết tài chính và hoạt động bình thường ngay cả khi tình hình, Điều kiện kinh tế biến đổi theo chiều hướng không thuận lợi;

đ) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

e) Không phải là công đồng chiến lược, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.